

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.627.212.159.458</b>	<b>1.141.941.249.354</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>294.581.516.082</b>	<b>111.656.276.573</b>
1. Tiền	111		278.081.516.082	88.656.276.573
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.500.000.000	23.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>204.683.289</b>	<b>107.562.972.164</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	204.683.289	107.562.972.164
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>702.198.557.335</b>	<b>500.083.103.563</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	634.816.076.257	466.935.976.739
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	61.013.842.802	12.808.234.185
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	6.368.638.276	20.338.892.639
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>591.251.249.339</b>	<b>395.515.521.233</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	651.659.861.448	410.603.366.965
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(60.408.612.109)	(15.087.845.732)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>38.976.153.413</b>	<b>27.123.375.821</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	799.579.015	773.299.178
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11.922.153.601	14.680.336.895
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	1.212.319.502	530.658.754
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	25.042.101.295	11.139.080.994



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>502.898.251.393</b>	<b>467.445.826.633</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>360.534.875.103</b>	<b>378.781.199.443</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	300.726.973.737	334.721.080.006
<i>Nguyên giá</i>	222		508.888.700.987	485.535.019.634
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(208.161.727.250)	(150.813.939.628)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	50.591.531.643	37.878.432.783
<i>Nguyên giá</i>	228		51.804.418.740	38.798.741.240
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.212.887.097)	(920.308.457)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	9.216.369.723	6.181.686.654
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>86.155.242.690</b>	<b>60.655.242.690</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	86.155.242.690	60.655.242.690
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>56.208.133.600</b>	<b>28.009.384.500</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	55.010.935.960	27.167.490.900
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	1.197.197.640	841.893.600
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.130.110.410.851</b>	<b>1.609.387.075.987</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.006.424.855.594</b>	<b>729.355.080.532</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.003.609.079.846</b>	<b>704.082.734.258</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	584.642.951.256	249.283.832.136
2. Phải trả người bán	312	V.18	148.943.246.126	165.684.198.181
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	6.188.601.321	577.547.162
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	49.192.100.277	34.698.238.383
5. Phải trả người lao động	315	V.21	33.897.764.132	26.421.160.944
6. Chi phí phải trả	316	V.22	798.030.000	4.592.971.990
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	116.649.348.920	168.533.908.670
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.24	34.550.000.000	34.550.000.000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	28.747.037.814	19.740.876.792
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.815.775.748</b>	<b>25.272.346.274</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	23.627.560.693
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.26	2.815.775.748	1.644.785.581
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.123.685.555.257</b>	<b>880.031.995.455</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.123.685.555.257</b>	<b>880.031.995.455</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	471.512.730.000	471.512.730.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	190.492.000.000	191.808.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.27	(36.897.215.355)	(32.725.310.618)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	498.578.040.612	249.436.576.073
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.130.110.410.851</b>	<b>1.609.387.075.987</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Tài sản thuê ngoài			-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		13.063.157,29	4.215.390,61
Euro (EUR)		295,39	426,42
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-

Nguyễn Thị Kim Đào  
Kế toán trưởng



ngày 25 tháng 01 năm 2012

Trương Thị Lệ Khanh  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp  
**BẢO CÁO TÀI CHÍNH**

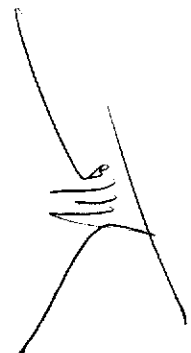
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### QUÝ IV/2011

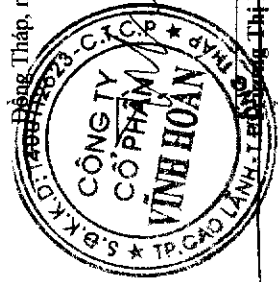
Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ IV		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm 2011	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V1.1	929.878.042.178	731.981.052.514	3.486.340.425.398	2.770.379.049.451
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V1.1	33.750.296	1.151.199.476	10.082.120.795	12.479.934.277
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V1.1	929.844.291.882	730.829.853.038	3.476.258.304.603	2.757.899.115.174
4. Giá vốn hàng bán	11	V1.2	805.233.538.697	575.831.248.841	2.904.733.591.334	2.253.272.271.347
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	V1.3	124.610.753.185	154.998.604.197	571.524.713.269	504.626.843.827
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.3	21.226.334.750	18.886.472.699	116.289.541.472	60.786.151.254
7. Chi phí tài chính	22	V1.4	23.205.205.109	26.112.598.431	76.522.235.230	60.063.827.294
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.672.022.819	5.405.879.270	37.926.327.027	22.863.638.647
8. Chi phí bán hàng	24	V1.5	45.454.163.087	54.353.829.264	174.251.315.104	209.671.563.310
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V1.6	7.308.826.494	44.450.208.643	30.438.442.980	62.943.020.742
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		69.868.893.245	48.968.440.558	406.602.261.427	232.734.583.735
11. Thu nhập khác	31	V1.7	13.475.398.730	1.312.118.683	14.647.972.382	2.734.316.201
12. Chi phí khác	32	V1.8	12.509.485.214	372.945.020	15.162.648.220	453.878.210
13. Lợi nhuận khác	40		965.913.516	939.173.663	(514.675.838)	2.280.437.991
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		70.834.806.761	49.907.614.221	406.087.585.589	235.015.021.726
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	8.689.389.361	18.135.635.703	69.034.889.550	48.723.299.857
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		62.145.417.400	31.771.978.518	337.052.696.039	186.291.721.869
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V1.9				



Nguyễn Thị Kim Đào  
**Kế toán trưởng**

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 01 năm 2012



  
**Tổng Giám đốc**

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

**QUÝ IV/2011**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		406.087.585.589	235.015.021.726
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11,V.12	59.417.910.916	51.774.389.078
- Các khoản dự phòng	03	V.7	45.320.766.377	(5.734.021.684)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	4.986.841.105	10.407.540.519
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3,VI.8	(36.344.795.929)	(14.587.219.350)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	37.926.327.027	22.863.638.647
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		517.394.635.085	299.739.348.936
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(214.297.255.567)	(179.213.145.453)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(241.056.494.483)	(135.491.927.056)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(67.866.119.886)	273.500.635.356
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(27.869.724.897)	(8.007.436.675)
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4	(37.926.327.027)	(23.147.357.894)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(55.061.232.928)	(28.213.699.318)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.259.150.260	157.646.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(11.235.436.238)	(4.501.980.001)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(136.658.805.681)</b>	<b>194.822.083.895</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11,V.12,V.13	(49.394.041.922)	(66.502.260.175)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		13.500.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(159.855.565.763)	(243.952.256.415)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		267.213.854.638	175.589.284.251
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(25.500.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	10.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	36.344.795.929	8.081.006.337
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>82.309.042.882</b>	<b>(126.774.226.002)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

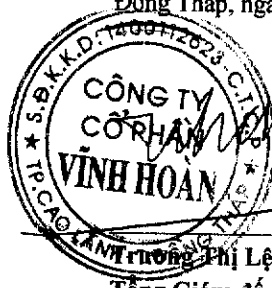
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.27	-	126.960.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.27	(5.487.904.737)	(32.725.310.618)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17	1.879.686.905.944	724.641.870.851
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17	(1.568.008.262.899)	(901.562.226.591)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.27	(68.915.736.000)	(25.850.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>237.275.002.308</b>	<b>(82.711.516.358)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>182.925.239.509</b>	<b>(14.663.658.465)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>111.656.276.573</b>	<b>128.714.275.030</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(2.394.339.992)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>294.581.516.082</b>	<b>111.656.276.573</b>

Nguyễn Thị Kim Đào  
Kế toán trưởng

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 01 năm 2012



Trưởng Phòng Kế toán  
Phụ Lê Khanh  
Tổng Giám đốc

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2011**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản.

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### **4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### **5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

#### **6. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

lắp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian giao đất.

### ***Phần mềm máy tính***

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 04 - 05 năm.

### **7. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **8. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### **9. Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

#### ***Tiền thuê đất***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

### **10. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### **11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

phòng trợ mát việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mát việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mát việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mát việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

#### **12. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

#### **13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

#### **14. Cổ phiếu quỹ**

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

#### **15. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

#### **16. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD  
31/12/2011 : 20.828 VND/USD

### **18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	2.223.321.999	4.971.584.216
Tiền gửi ngân hàng	275.858.194.083	83.684.692.357
Các khoản tương đương tiền (*)	16.500.000.000	23.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>294.581.516.082</u></b>	<b><u>111.656.276.573</u></b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

##### 2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm (*)	204.683.289	32.197.256.415
Cho Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 tạm ứng		70.000.000.000
Cho Ông Phan Ngọc Ân tạm ứng		5.365.715.749
<b>Cộng</b>	<b><u>204.683.289</u></b>	<b><u>107.562.972.164</u></b>

##### 3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các khách hàng trong nước	23.870.029.329	20.453.917.323
Các khách hàng nước ngoài	610.946.046.928	446.482.059.416
<b>Cộng</b>	<b><u>634.816.076.257</u></b>	<b><u>466.935.976.739</u></b>

##### 4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các nhà cung cấp trong nước	61.013.842.802	7.792.705.125
Các nhà cung cấp nước ngoài		5.015.529.060
<b>Cộng</b>	<b><u>61.013.842.802</u></b>	<b><u>12.808.234.185</u></b>

##### 5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 - thu hộ tiền hàng		17.868.038.116
Phải thu khác	6.368.638.276	2.470.854.523
<b>Cộng</b>	<b><u>6.368.638.276</u></b>	<b><u>20.338.892.639</u></b>

##### 6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Hàng mua đang đi đường		84.882.960.682
Nguyên liệu, vật liệu	52.279.437.471	27.084.051.170
Công cụ, dụng cụ	3.030.625.937	2.401.572.908
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	320.547.160.319	217.794.939.402
Thành phẩm	275.735.878.309	66.770.672.102

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>			
Hàng hóa	66.759.412	222.614.917			
Hàng gửi bán		11.446.555.784			
<b>Cộng</b>	<b><u>651.659.861.448</u></b>	<b><u>410.603.366.965</u></b>			
<b>7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>					
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>			
Nguyên liệu, vật liệu	805.771.858	337.367.454			
Công cụ, dụng cụ	69.356.115	22.003.532			
Thành phẩm	59.533.484.136	14.728.474.746			
<b>Cộng</b>	<b><u>60.408.612.109</u></b>	<b><u>15.087.845.732</u></b>			
<b>8. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>					
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:					
Số đầu năm	773.299.178				
Tăng trong năm	1.457.152.641				
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(1.430.872.804)				
<b>Số cuối kỳ năm</b>	<b><u>799.579.015</u></b>				
<b>9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước</b>					
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>			
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	1.212.319.502	530.658.754			
<b>Cộng</b>	<b><u>1.212.319.502</u></b>	<b><u>530.658.754</u></b>			
<b>10. Tài sản ngắn hạn khác</b>					
Tạm ứng cho nhân viên Công ty.					
<b>11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình</b>					
	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	164.797.696.297	313.945.614.464	5.937.983.403	853.725.470	485.535.019.634
Tăng trong năm	5.732.107.045	27.591.029.086	2.005.981.819	-	35.329.117.950
Đầu tư XD CB	3.489.894.545	4.880.369.409	-	-	8.370.263.954
Mua sắm mới	2.242.212.500	22.710.659.677	2.005.981.819	-	26.958.853.996
Giảm trong năm	(11.701.105.131)	(274.331.466)	-	-	(11.975.436.597)
Bán TSCĐ	(11.701.105.131)	-	-	-	(11.701.105.131)
Thanh lý TSCĐ	-	(274.331.466)	-	-	(274.331.466)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>158.828.698.211</u></b>	<b><u>341.262.312.084</u></b>	<b><u>7.943.965.222</u></b>	<b><u>853.725.470</u></b>	<b><u>508.888.700.987</u></b>
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ năm	23.861.798.405	123.410.291.773	2.899.403.164	642.446.286	150.813.939.628
Khấu hao trong năm	12.377.099.607	45.764.284.280	870.056.024	113.892.365	59.125.332.276
Giảm trong năm	(1.503.213.188)	(274.331.466)	-	-	(1.777.544.654)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>34.735.684.824</u></b>	<b><u>168.900.244.587</u></b>	<b><u>3.769.459.188</u></b>	<b><u>756.338.651</u></b>	<b><u>208.161.727.250</u></b>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	140.935.897.892	190.535.322.691	3.038.580.239	211.279.184	334.721.080.006
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>124.093.013.387</u></b>	<b><u>172.362.067.497</u></b>	<b><u>4.174.506.034</u></b>	<b><u>97.386.819</u></b>	<b><u>300.726.973.737</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá là 177.563.344.016 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

### 12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	38.258.511.450	540.229.790	38.798.741.240
Mua trong năm	14.257.577.500	-	14.257.577.500
Giảm trong năm	(1.251.900.000)	-	(1.251.900.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>51.264.188.950</b>	<b>540.229.790</b>	<b>51.804.418.740</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu kỳ	507.095.943	413.212.514	920.308.457
Khấu hao trong năm	209.832.804	82.745.836	292.578.640
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>716.928.747</b>	<b>495.958.350</b>	<b>1.212.887.097</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	37.751.415.507	127.017.276	37.878.432.783
<b>Số cuối năm</b>	<b>50.547.260.203</b>	<b>44.271.440</b>	<b>50.591.531.643</b>

Quyền sử dụng đất có nguyên giá là 14.067.767.850 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

### 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công trình nhà xưởng số 1	75.386.075			75.386.075
Công trình nhà xưởng số 3	1.920.571.250	654.314.643	-	2.574.885.893
Tài sản khác	-	867.050.723		867.050.723
Sửa chữa lớn TSCĐ	732.181.156	5.316.370.192	(6.048.551.348)	
Chi phí đào ao nuôi cá	3.453.548.173	10.309.397.024	(8.063.898.165)	5.699.047.032
<b>Cộng</b>	<b>6.181.686.654</b>	<b>17.147.132.582</b>	<b>(14.112.449.513)</b>	<b>9.216.369.723</b>

### 14. Đầu tư vào công ty con

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	5.200.371	52.003.709.506	5.200.371	52.003.709.506
Công ty TNHH Lương Thực Vĩnh Hoàn 2		25.500.000.000		-
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)		8.651.533.184		8.651.533.184
<b>Cộng</b>		<b>86.155.242.690</b>		<b>60.655.242.690</b>

### 15. Chi phí trả trước dài hạn

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Số đầu kỳ	27.167.490.900	
Tăng trong kỳ	36.709.861.960	
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(8.866.416.900)	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>55.010.935.960</b>	
<b>16. Tài sản dài hạn khác</b>		
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.		
<b>17. Vay và nợ ngắn hạn</b>		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng		
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(i)</sup>	390.842.951.256	50.483.832.136
- Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	16.500.000.000	
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp <sup>(ii)</sup>	177.300.000.000	198.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>584.642.951.256</b>	<b>249.283.832.136</b>
<sup>(i)</sup> Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2.		
<sup>(ii)</sup> Khoản vay Ngân hàng Phát Triển Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 3.		
<b>Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:</b>		
Số đầu năm	249.283.832.136	
Số tiền vay phát sinh	1.879.686.905.944	
Số tiền vay đã trả	(1.544.380.702.206)	
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	476.548.574	
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(423.633.192)	
<b>Số cuối năm</b>	<b>584.642.951.256</b>	
<b>18. Phải trả người bán</b>		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các nhà cung cấp trong nước	142.927.582.790	134.599.102.940
Các nhà cung cấp nước ngoài	6.015.663.336	31.085.095.241
<b>Cộng</b>	<b>148.943.246.126</b>	<b>165.684.198.181</b>
<b>19. Người mua trả tiền trước</b>		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các khách hàng trong nước	1.911.227.914	312.022.075
Các khách hàng nước ngoài	4.277.373.407	265.525.087
<b>Cộng</b>	<b>6.188.601.321</b>	<b>577.547.162</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng nhập khẩu (*)	-	17.604.036.152	(17.603.602.444)	433.708
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(530.658.754)	4.545.805.582	(5.227.466.330)	(1.212.319.502)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.431.111.653	69.034.889.550	(55.061.232.928)	48.404.768.275
Thuế thu nhập cá nhân	267.126.730	1.230.484.773	(710.713.209)	786.898.294
Thuế nhà đất	-	442.068.489	(442.068.489)	
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	
<b>Cộng</b>	<b>34.167.579.629</b>	<b>92.860.284.546</b>	<b>(79.048.083.400)</b>	<b>47.979.780.775</b>

(\*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.9).

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến	5%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu	10%

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**21. Phải trả người lao động**

Lương tháng 12 và tháng 13 phải trả công nhân viên.

**22. Chi phí phải trả**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí phải trả cho luật sư		4.545.261.990
Chi phí khác	798.030.000	47.710.000
<b>Cộng</b>	<b>798.030.000</b>	<b>4.592.971.990</b>

**23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Cổ tức phải trả	58.448.500	45.400.000
Kinh phí công đoàn	2.598.818.514	1.693.839.082

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.106.300.846	554.638.042
Các khoản phải trả khác	112.885.781.060	166.240.031.546
<b>Cộng</b>	<b>116.649.348.920</b>	<b>168.533.908.670</b>

**24. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ.

**25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Trích quỹ trong kỳ</u>	<u>Thu khác trong kỳ</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	16.059.953.789	14.701.748.000		(4.454.597.000)	26.307.104.789
Quỹ phúc lợi	3.680.923.003	4.280.699.000	1.259.150.260	(6.780.839.238)	2.439.933.025
<b>Cộng</b>	<b>19.740.876.792</b>	<b>18.982.447.000</b>	<b>1.259.150.260</b>	<b>(11.235.436.238)</b>	<b>28.747.037.814</b>

**26. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Số đầu năm	1.644.785.581
Số trích lập trong năm	1.357.469.167
Số chi trong năm	(186.479.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.815.775.748</b>

**27. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm	471.512.730.000	191.808.000.000	(32.725.310.618)	249.436.576.073	880.031.995.455
Lợi nhuận trong năm		(1.316.000.000)		337.052.696.039	335.736.696.039
Trích quỹ trong năm				(18.982.447.000)	(18.982.447.000)
Trả cổ tức trong năm				(68.928.784.500)	(68.928.784.500)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành			(4.171.904.737)		(4.171.904.737)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>471.512.730.000</b>	<b>190.492.000.000</b>	<b>(36.897.215.355)</b>	<b>498.578.040.612</b>	<b>1.123.685.555.257</b>

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.151.273
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.151.273
- Cổ phiếu phổ thông	47.151.273
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(1.198.750)
- Cổ phiếu phổ thông	(1.198.750)
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.952.523
- Cổ phiếu phổ thông	45.952.523

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng doanh thu	<b>3.486.340.425.398</b>	<b>2.770.379.049.451</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	573.757.359.496	518.807.384.355
- Doanh thu bán thành phẩm	2.378.330.683.147	1.865.840.221.811
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	46.696.566.522	28.724.289.663
- Doanh thu nguyên vật liệu	21.584.882.309	5.110.963.591
- Doanh thu phế phẩm	465.970.933.924	351.896.190.031
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(10.082.120.795)	(12.479.934.277)
- Hàng bán bị trả lại	(9.887.135.718)	(11.847.362.268)
- Giảm giá hàng bán	(194.985.077)	(632.572.009)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>3.476.258.304.603</u></b>	<b><u>2.757.899.115.174</u></b>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	572.668.439.055	515.954.319.308
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	2.369.337.482.793	1.856.213.352.581
- Doanh thu thuần bán nguyên vật liệu	21.584.882.309	5.110.963.591
- Doanh thu thuần phụ phẩm	465.970.933.924	351.896.190.031
- Doanh thu thuần dịch vụ	46.696.566.522	28.724.289.663

**2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn của hàng hóa	517.595.767.935	467.562.037.575
Giá vốn của thành phẩm	1.920.122.044.707	1.448.475.207.879
Giá vốn của nguyên vật liệu	16.433.045.474	5.780.188.990
Giá vốn của phế phẩm	405.261.966.841	337.188.858.587
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	45.320.766.377	(5.734.021.684)
<b>Cộng</b>	<b><u>2.904.733.591.334</u></b>	<b><u>2.253.272.271.347</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	9.600.599.195	8.070.745.353
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	610.641.460	450.256.148
Lãi khách hàng tạm ứng tiền hàng	12.756.282.744	6.587.627.873
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	2.711.747.271	2.894.152.247
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.326.166.719	4.275.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	79.284.104.083	42.779.094.633
<b>Cộng</b>	<b><u>116.289.541.472</u></b>	<b><u>60.786.151.254</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí lãi vay	37.926.327.027	22.863.638.647
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.986.841.105	10.407.540.519
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	33.609.067.098	26.792.648.128
<b>Cộng</b>	<b>76.522.235.230</b>	<b>60.063.827.294</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân viên	4.631.178.736	4.387.496.983
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	354.960.550	50.720.919
Chi phí khấu hao TSCĐ	62.271.626	46.980.984
Chi phí dịch vụ mua ngoài	99.737.857.695	140.030.086.808
Chi phí khác	69.465.046.497	65.156.277.616
<b>Cộng</b>	<b>174.251.315.104</b>	<b>209.671.563.310</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân viên	11.950.233.591	8.398.946.864
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.424.522.581	916.489.754
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.706.402.145	1.737.598.237
Thuế, phí và lệ phí	1.339.274.997	1.317.998.779
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.111.297.432	876.162.629
Chi phí khác	11.906.712.234	49.695.824.479
<b>Cộng</b>	<b>30.438.442.980</b>	<b>62.943.020.742</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thanh lý tài sản, thu nhập khác...	14.647.972.382	2.734.316.201
<b>Cộng</b>	<b>14.647.972.382</b>	<b>2.734.316.201</b>
<b>8. Chi phí khác</b>		
	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thanh lý tài sản, chi phí khác...	15.162.648.220	453.878.210
<b>Cộng</b>	<b>15.162.648.220</b>	<b>453.878.210</b>
<b>9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chi phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.		

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm 2011</u>
<b>Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>	
Mua nguyên liệu	27.282.976.720
Bán hàng hóa	134.500.518
<b>Các cá nhân có liên quan</b>	
Mua nguyên liệu	23.998.026.080
Bán hàng hóa	395.769.521

Tại ngày 31/12/2011, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	19.663.800.251	5.613.467.744
Các cá nhân có liên quan	278.594.520	93.385.000
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b><u>19.942.394.771</u></b>	<b><u>5.706.852.744</u></b>

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Công ty con
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	Công ty con
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do gia đình Chủ tịch HĐQT tham gia góp vốn thành lập
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm 2011</u>
<b>Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1</b>	
Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	434.448.348.277
Mua hàng hóa, dịch vụ	806.220.427.020
Cho tạm ứng tiền hàng	130.800.000.000
Lãi cho tạm ứng tiền hàng	11.460.619.445
<b>Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)</b>	
Bán thành phẩm, hàng hóa	1.088.588.924.460
<b>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</b>	
Bán nguyên liệu, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, ủy thác xuất khẩu	28.199.831.919
Mua hàng hóa, dịch vụ, bao bì, hóa chất, nhận xuất khẩu ủy thác	22.599.979.059

# CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## Lũy kế từ đầu năm 2011

Nhận ủy thác xuất khẩu	62.564.308.256
<b>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</b>	
Bán nguyên liệu, hàng hóa, cung cấp dịch vụ	49.001.238.401
Mua hàng hóa, dịch vụ, bao bì, hóa chất	53.211.608.968
Nhận ủy thác xuất khẩu	579.235.689.196
Tạm ứng tiền hàng	31.057.500.000

Tại ngày 31/12/2011, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<b>Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1</b>		
Phải thu tiền tạm ứng tiền hàng		70.000.000.000
Phải thu tiền thu hộ		17.868.038.116
<b>Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)</b>		
Phải thu tiền hàng	435.511.294.101	317.540.388.928
<b>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</b>		
Phải thu tiền hàng, tiền hàng ủy thác xuất khẩu	4.823.682.529	879.294.941
<b>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</b>		
Phải thu tiền hàng	163.276.785	5.343.401.273
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>440.498.253.415</b>	<b>411.631.123.258</b>
<b>Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1</b>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	49.942.012.524	105.182.080.412
Phải trả tiền thu hộ	1.107.980.234	
<b>Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)</b>		
Phải trả khác	138.675.040	128.737.600
<b>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</b>		
Tiền mua hàng	2.692.462.513	-
Tiền hàng xuất khẩu ủy thác	2.134.179.135	65.161.572.388
<b>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</b>		
Tiền hàng xuất khẩu ủy thác	108.101.129.232	99.820.646.049
Thu hộ tiền hàng	712.250.000	
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>164.828.688.678</b>	<b>270.293.036.449</b>

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 01 năm 2012

Nguyễn Thị Kim Đào  
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh  
Tổng Giám đốc